TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BUÔN ĐÔN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2022
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phượng và ông Y Đưng Knul

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê KDăm – Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng chị Đỗ Thị T trình bày: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã E N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/3/2017. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến tháng 8 năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng chị T, anh Đ sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống và không có sự tôn trọng với nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ đã sống ly thân. Vì vậy, chị Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Minh Đ.

Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Minh Đ trình bày: Anh Lê Minh Đ nhất trí với các nội dung chị Đỗ Thị T trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Lê Minh Đ cho rằng chị T trình bày không đúng sự thật. Sau khi kết hôn do anh Lê Minh Đ nghe lời chị Đỗ Thị T nên đã đưa tiền và các lễ vật (vàng) mà gia đình nhà trai tặng anh Đ và chị T trong ngày tổ chức đám cưới để giao chị Đỗ Thị T cất giữ. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh Lê Minh Đ có hỏi và đòi lại nhưng chị Đỗ Thị T không đưa cho anh Lê Minh Đ. Sau đó chị Đỗ Thị T đã tự ý chuyển đến thôn H, xã Q, huyện C để sinh sống và đi làm ăn tại Thành phố H cũng không xin phép anh Lê Minh Đ. Hiện nay chị Đỗ Thị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

Về con chung: Anh Lê Minh Đ và chị Đỗ Thị T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Minh Đ đang cư trú tại thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B vào ngày 03/3/2017. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm.

Quá trình xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T, anh Đ, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Chị T và anh Đ sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay và không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0002640 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Minh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã E, huyện B; tỉnh Đắk Lawsk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.